

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH  
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-04-2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp con chung*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Duy Cừ

Bà Nguyễn Thị Nữ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Ông Dương Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân Thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 126/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/11/2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Thị Mỹ N**, sinh năm 1996

Địa chỉ: xóm Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – Có mặt.

**2. Bị đơn:** **Anh Nguyễn Đình H**, sinh năm 1987

Địa chỉ: xóm Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Đình H kết hôn vào ngày 03/5/2018, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố T. Sau khi kết hôn vợ, chồng về sống tại xóm Đông Đoài, xã T, thành phố T. Chị N làm nhân viên tài chính, còn anh H làm nghề tự do. Cuộc sống tình cảm vợ chồng bình thường, được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, trầm trọng nhất là từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay. Chị N đã bỏ về sinh sống tại

nhà bố mẹ đẻ tại xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cãi cọ, xúc phạm và anh H nhiều lần đánh chị N. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ, chồng là tính cách, quan điểm sống trái ngược nhau, anh H thường xuyên bỏ bê công việc ở nhà chơi điện tử, một phần do anh H ghen tuông vô cớ về nhà xúc phạm, chửi bới chị N. Mặc dù, đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần song không có kết quả, vợ chồng không thể hòa hợp. Hiện tình cảm vợ, chồng không còn nên chị Nguyễn Thị Mỹ N xin được ly hôn với anh Nguyễn Đình H.

Về con chung: Vợ, chồng có một con chung tên là Nguyễn Thị Khánh T, sinh ngày 15/10/2018. Do con còn nhỏ nên chị N có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị Khánh T. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, chị N yêu cầu anh Nguyễn Đình H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị N không yêu cầu anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Đình H trình bày:***

Anh H thừa nhận về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như chị N trình bày là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N có mối quan hệ bất chính với người khác về nhà thiếu tôn trọng chồng. Một phần là do dịch bệnh anh H không đi làm được, chị N cho rằng anh bỏ bê công việc nên vợ chồng xảy ra cãi vã, chị N bỏ về nhà bố mẹ của chị N sinh sống từ tháng 7/2021 cho đến nay. Do tình cảm của anh H với chị N vẫn còn, bản thân anh H là người thiên chúa giáo, giáo Hội quy định không được ly hôn nên anh H không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ, chồng có một con chung tên là Nguyễn Thị Khánh T, sinh ngày 15/10/2018. Nếu ly hôn anh H xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Không yêu cầu chị N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu quan điểm:***

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có bản tự khai, vắng mặt trong phiên họp công khai chứng cứ, quá trình hòa giải và có mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

- Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Nguyễn Đình H đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia

đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: cho chị Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn với anh Nguyễn Đình H; Về con: Giao con chung tên là Nguyễn Thị Khánh Tiên, sinh ngày 15/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tại phiên tòa, chị N không yêu cầu anh Nguyễn Đình H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét; Về tài sản, nợ chung: chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Nguyễn Đình H không yêu cầu nên miễn xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Chị Nguyễn Thị Mỹ N khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với anh Nguyễn Đình H nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung”. Anh Nguyễn Đình H hiện trú tại: xóm Đ, xã T, thành phố T, tỉnh Hà Tĩnh. Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

Chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Nguyễn Đình H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Nguyễn Thị Mỹ N nhận thấy vợ, chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N xin được ly hôn. Anh Nguyễn Đình H thừa nhận quá trình chung sống vợ, chồng có xảy ra mâu thuẫn. Vợ, chồng cũng sống ly thân từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay. Tuy nhiên, anh H đang còn tình cảm với chị N, bản thân anh H là người thiên chúa giáo, bên giáo hội quy định không được ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn.

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: quá trình chung sống vợ, chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn như chửi bới, xúc phạm và đánh nhau. Vợ chồng cũng sống ly thân một thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ N, anh Nguyễn Đình H đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn anh Nguyễn Đình H là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ N, anh Nguyễn Đình H đều thừa nhận vợ chồng có 1 con chung tên Nguyễn Thị Khánh T, sinh ngày 15/10/2018. Chị Nguyễn Thị Mỹ N, anh Nguyễn Đình H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: chị N hiện có chỗ ở ổn định, con từ nhỏ chủ yếu sống với chị, được chăm sóc chu đáo và cho đi học. Bản thân anh Nguyễn Đình H công

việc chưa ổn định. Hơn nữa, con còn nhỏ mới trên 3 tuổi. Vì vậy, cần giao con chung cho chị Nguyễn Thị Mỹ N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh H có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ N, anh Nguyễn Đình H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

**[4] Về án phí sơ thẩm:** Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

**[5] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; xử:*

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn anh Nguyễn Đình H.

**2. Về con chung:** Giao con chung Nguyễn Thị Khánh T, sinh ngày 15/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Đình H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Đình H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Nguyễn Thị Mỹ N, anh Nguyễn Đình H không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

**4. Về án phí:** Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001035 ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**6.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TPHT;
- TAND Tỉnh HT;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạch Hạ,  
Thành phố Hà Tĩnh, Hà Tĩnh;
- Lưu: HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Quốc Dũng**